

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 35/2025/HS-PT

Ngày: 11/4/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Tấn Vinh

Các Thẩm phán: Ông Trần Nam Trung

Ông Phan Lê Vũ Huy Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Thúy Duy - Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Bà Lâm Dạ Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 22/2025/TLPT-HS ngày 13 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Văn T do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2025/HS-ST ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Văn T, sinh ngày 01/01/1972, tại tỉnh Sóc Trăng; nơi thường trú: Ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; nơi ở hiện nay: Ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1 và bà Lê Thị Đ; chung sống như vợ chồng với bà Nguyễn Thị T2; con có 02 người (lớn sinh năm 1995, nhỏ sinh năm 2003); tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/9/2024 đến nay. (có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Văn N - Luật sư của Văn phòng L1 – Chi nhánh S thuộc Đoàn luật sư thành phố C. Địa chỉ: Số C, Quốc lộ A, Khóm A, Phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- Những người tham gia tố tụng khác không liên quan đến kháng cáo Tòa án không triệu tập gồm: Bị hại ông Nguyễn Trường G; người làm chứng: Bà Sơn Thị L, bà Nguyễn Trúc N1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ ngày 12/02/2024, bị cáo T điều khiển xe mô tô về phòng số 8, nhà trọ T3 tại ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng khi điều khiển xe ngang qua phòng số 7, xe mô tô bị cáo T điều khiển va chạm vào giá võng của bị hại G để ở lối đi trước cửa phòng số 7. Lúc này, bị hại G nằm trong phòng số 7 bức tức việc bị cáo T chạy xe trúng vào đồ dùng của mình nên cầm 01 cái ghế bằng kim loại màu trắng, có 04 chân, chiều cao chân ghế 14,5cm, đường kính mặt ghế 26,5cm từ phòng số 7 đi đến trước cửa phòng số 8, đứng gần nơi bị cáo T đứng, dùng mặt ghế đánh vào vùng đầu, vai trái của bị cáo T nhưng không gây thương tích, cái ghế bị rơi xuống đất. Bị cáo T tức giận, lấy 01 cây dao, loại dao tự chế bằng kim loại, tổng chiều dài 62cm, cán dao bằng gỗ màu nâu dài 22cm, lưỡi dao bằng kim loại màu đen dài 40cm, phần lưỡi dao rộng nhất 07cm, nhỏ nhất 04cm để ở góc cửa phòng bên trái, tay trái cầm dao chém 01 dao từ trên xuống dưới, từ trái qua phải về hướng bị hại G, do lưỡi dao dài nên trúng vào thành cửa bên trái, rồi trúng vào vùng mặt bên phải của bị hại G gây thương tích. Bị cáo T đưa dao lên chém dao thứ hai, bị hại G lao vào vị trí bị cáo T đứng ở khu vực cửa phòng, cây dao trúng vào vùng mặt bên phải của bị hại G gây thương tích. Lúc này, bị hại G vật bị cáo T ngã xuống nền gạch, bà Liên từ phòng số 7 đi đến cùng bị hại G không chế bị cáo T. Cùng lúc này, bà N1 nằm võng ở phía sau phòng số 8 nghe tiếng động phía trước, chạy lên can ngăn, sự việc kết thúc. Bị hại G được đưa đến Bệnh viện Đa khoa tỉnh S để cấp cứu, điều trị.

Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 136/KLTTCT-TTPYST ngày 28/3/2024 của Trung tâm Pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh S kết luận đối với thương tích của Nguyễn Trường G như sau:

1. Các kết quả chính:

- 02 sẹo vùng mặt phải, 01 sẹo kích thước lớn và 01 sẹo kích thước trung bình. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 09% và 06%.

- Tổn thương gãy cung gò má phải, vỡ xương hàm phải. Không ảnh hưởng chức năng. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 08% và 07%.

2. Kết luận:

- Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT, ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, pháp y tâm thần, xác định tổng tỉ lệ tổn thương cơ thể của ông Nguyễn Trường G tại thời điểm giám định là: 27%, áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

- Kết luận khác:

+ Tổn thương vùng mặt do vật sắc gây nên.

+ Tổn thương không gây ảnh hưởng chức năng.

- + Tồn thương gây ảnh hưởng đến thẩm mỹ.
- + Tồn thương vùng mặt nằm ở vùng nguy hiểm đến tính mạng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2025/HS-ST ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, e, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 38, Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tự nguyện chấp hành án hoặc ngày bắt đi thi hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

* Ngày 20 tháng 01 năm 2025, bị cáo Nguyễn Văn T kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo hưởng mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng và cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Văn T vẫn giữ nguyên đơn kháng cáo.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Đề nghị xem xét thêm cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ phạm tội trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng theo điểm c khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Án sơ thẩm xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù là quá nặng, cần xem xét nguyên nhân, mục đích và động cơ phạm tội của bị cáo, do bị hại tấn công bị cáo trước nên bị cáo mới chống trả lại, bị cáo cho rằng án sơ thẩm xử phạt nặng là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các điểm b, c, e, s khoản 1 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng cho bị cáo dưới 02 năm tù. Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo tự có khả năng cải tạo nên việc cho bị cáo hưởng án treo sẽ không ảnh hưởng đến tình hình an ninh xã hội, đề nghị áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự xem xét cho bị cáo hưởng án treo.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến: Hội đồng xét xử sơ thẩm kết luận bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Đồng thời, cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, e, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là đúng quy định pháp luật. Xét cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, đặc điểm nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng đối với bị cáo. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo nộp biên lai thu tiền 30.000.000 đồng để khắc phục cho bị hại nên

kháng cáo của bị cáo về giảm nhẹ hình phạt là có căn cứ chấp nhận. Về kháng cáo hưởng án treo: Bị cáo có đủ điều kiện để hưởng án treo, tuy nhiên do tình hình tội phạm ngày càng gia tăng, việc cho bị cáo hưởng án treo sẽ không đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa tội phạm và đảm bảo tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo về giảm nhẹ hình phạt, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo về việc hưởng án treo, sửa bản án sơ thẩm giảm cho bị cáo từ 02-04 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T là đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn, hình thức và nội dung kháng cáo theo quy định tại các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, căn cứ Điều 345 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét nội dung kháng cáo của bị cáo.

[2] Về tội danh áp dụng đối với bị cáo: Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, trong quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, có căn cứ xác định vào ngày 12/02/2024, bị cáo Nguyễn Văn T có hành vi dùng dao là hung khí nguy hiểm chém bị hại Nguyễn Trường G gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể theo kết luận giám định là 27%. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo về việc áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Khi quyết định hình phạt cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải; bị cáo đã bồi thường số tiền 2.000.000 đồng, đã nộp số tiền 8.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành để bồi thường thiệt hại; bị cáo phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, chưa có tiền sự; bị cáo có thân nhân là người có công với cách mạng; đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, e, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo tiếp tục nộp số tiền 30.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành để bồi thường thiệt hại. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Bị cáo có đủ điều kiện để hưởng án treo, tuy nhiên, do tình hình tội phạm trên địa bàn diễn ra phức tạp, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, việc cho bị cáo hưởng án treo là không đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm, nên kháng cáo của bị cáo được án treo là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét lời đề nghị của người bào chữa là có căn cứ chấp nhận một phần; Hội đồng xét xử chấp

nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng, căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo về việc giảm nhẹ hình phạt, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo về việc hưởng án treo; sửa một phần quyết định về hình phạt đối với bị cáo của bản án sơ thẩm. Việc sửa án của cấp phúc thẩm do phát sinh tình tiết mới nên cấp sơ thẩm không có lỗi.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm h khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T về việc hưởng án treo.

2. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T về việc giảm nhẹ hình phạt.

Sửa một phần quyết định về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn T của Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2025/HS-ST ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, e, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 38, Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 02 (hai) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tự nguyện chấp hành án hoặc ngày bắt đi thi hành án.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm h khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án đối với số tiền mà bị cáo Nguyễn Văn T

đã nộp 30.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0001751 ngày 20/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

5. Các phần Quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- TAND huyện Châu Thành;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CQCSĐT-Công an tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- CQTHAHS Công an tỉnh Sóc Trăng;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu HSVA, THS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lâm Tấn Vinh